

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 24/8/2017 của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Tư về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương); Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI tại kỳ họp thứ Bảy về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 2116/SKHĐT-TH ngày 17 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa phương:

1. Bổ sung các dự án đầu tư từ vốn chưa phân bổ 216,334 tỷ đồng của nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư, trong đó: phân bổ chi tiết là 140,793 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1.1. Cầu Yang Trung, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro: 36 tỷ đồng.

1.2. Đường 662B (xã Ia Ke - Chư A Thai, huyện Phú Thiện đi Ia Pa), tỉnh Gia Lai: 34 tỷ đồng

1.3. Đường 6C (đoạn từ xã Ia Hrí đi xã Ia Dreng), huyện Chư Puh: 25 tỷ đồng

1.4. Đường liên xã huyện Krông Pa (Bổ sung vốn theo cam kết với trung ương): 18,2 tỷ đồng.

1.5. Đường nội thị thị xã Ayun Pa (Bổ sung vốn theo cam kết với trung ương): 20 tỷ đồng.

1.6. Vốn cho các dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn: 7,593 tỷ đồng.

1.7. Phần vốn chưa phân bổ còn lại là 75,541 tỷ đồng.

(Có biểu số 1 kèm theo)

2. Bổ sung các dự án đầu tư bằng nguồn tiền sử dụng đất cấp tỉnh: 242,55 tỷ đồng, cụ thể như sau:

2.1. Nguồn chờ phân bổ năm 2018 cho 2 dự án: (1) Hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Thơ Ga, xã Chư Don, huyện Chư Puh và (2) dự án Hồ Tàu Dầu 2 huyện Đak Pơ là 34,32 tỷ đồng, cụ thể:

- Hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Thơ Ga, xã Chư Don, huyện Chư Puh: 20 tỷ đồng.

- Hồ chứa nước Tàu Dầu 2, huyện Đak Pơ: 14,32 tỷ đồng.

2.2. Tiền sử dụng đất năm 2019 ngân sách tỉnh chỉ sau khi phân bổ hết cho các dự án trong kế hoạch trung hạn nguồn tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 còn dư 129,02 tỷ đồng, bổ sung vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020, bố trí cho các dự án:

- Dự án Chinh trang đô thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai: 15 tỷ đồng (bố trí trong kế hoạch năm 2019).

- Hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 114,02 tỷ đồng (bố trí trong kế hoạch năm 2019).

2.3. Nguồn 10% tiền sử dụng đất của tỉnh chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 79,21 tỷ đồng, bố trí cho dự án:


Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai: 79,21 tỷ đồng, trong đó: Vốn năm 2017: 16,91 tỷ đồng (Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh về việc xử lý chuyển nguồn một số nguồn kinh phí năm 2017 sang năm 2018 tiếp tục theo dõi sử dụng); năm 2018: 8,4 tỷ đồng (Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2018); năm 2019: 26,9 tỷ đồng; năm 2020: 27 tỷ đồng.

(Có biểu số 2 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này, giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; thủ trưởng các sở, ban,

ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.


Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ (báo cáo);
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính (báo cáo);
- T/T Tỉnh ủy (báo cáo);
- T/T HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Kiểm toán NN khu vực XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh ;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, CV các khối, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
BẢNG NGUỒN VỐN CHỨA PHÂN BỐ CỦA VỐN TRONG CÁN ĐỐI THEO TÊN CHỦ TÍNH ĐẦU TƯ
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 6.4/QĐ-UBND ngày 11/11/2018 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định điều chỉnh đã được UBND tỉnh giao KH		Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2016-2020 theo quyết định 716/QĐ-UBND			Bổ sung Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2016-2020			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
									Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện dự án		Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện dự án		
TỔNG CỘNG															
1	Cầu Yang Trung, thị trấn Kống Chro, huyện Kống Chro	Kống Chro	Chiều dài cầu 183m, rộng 7m, đường dẫn vào cầu 650m	2019-2020	1008/QĐ-UBND ngày 02/10/2018	40.000	-	108.200	-	108.200	140.793	-	140.793	BQL DA ĐTXD công trình giao thông	
2	Đường 662B (xã Ia Ke – Chư A Thai, huyện Phú Thiện đi Ia Pa), tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	L=23.342 km	2020		148.000		98.500		98.500	34.000		34.000	BQL DA ĐTXD công trình giao thông	
3	Đường 6C (đoạn từ xã Ia Hri đi xã Ia Dreng), huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Chiều dài 4100m, Bm=5,5m; Bn=7,5m; mặt đường láng nhựa và BTXM	2019-2020	1087/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	28.000					25.000		25.000	UBND huyện Chư Pưh	
4	Đường liên xã huyện Krông Pa (Bổ sung vốn theo cam kết với TW)	Krông Pa	L=19,12km, đường miễn núi cấp IV	2016-2020	2288/QĐ-UBND ngày 10/3/2016	124.302		9.700		9.700	18.200		18.200	UBND huyện Krông Pa	NSTW bố trí 83,962 tỷ đồng
5	Đường nội thị thị xã Ayun Pa (Bổ sung vốn theo cam kết với TW)	Ayun Pa	L=11 km, đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường bê tông nhựa, cống thoát nước, vỉa hè	2016-2020	988/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	110.000					20.000		20.000	UBND thị xã Ayun Pa	NSTW bố trí 79 tỷ đồng
6	Vốn cho các dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn										7.593		7.593		Phụ lục 1



DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
BẢNG NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 11/11/2018 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định điều chỉnh đã được UBND tỉnh giao KH		Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2016-2020 theo quyết định 716/QĐ-UBND			Bổ sung Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2016-2020			Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
TỔNG CỘNG							1.785.321	-	37.000	-	37.000	242.550	-	242.550		
1	Hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Plei Thơ Ga, xã Chư Đon, huyện Chư Pưh	Chư Pưh	Hồ chứa nước dung tích 10,45tr m3 gồm cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh và công trình trên kênh chính, kênh nhánh và các công trình phụ trợ	2018-2020	614/QĐ-UBND ngày 08/6/2018	222.000		22.000		22.000	20.000		20.000	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	Vốn NSTW bỏ trị 160,591 tỷ đồng	
2	Hồ chứa nước Tầm Dầu 2, huyện Đak Pơ	Đak Pơ	Hồ chứa nước dung tích 3,737tr m3 gồm cụm công trình đầu mối: đập đất, tràn xả lũ, công lấy nước, hệ thống kênh và công trình trên kênh chính, kênh nhánh và các công trình phụ trợ	2018-2020	986/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	197.000		15.000		15.000	14.320		14.320	BQL DA BTXD công trình NN và PTNT	Vốn NSTW bỏ trị 146,138 tỷ đồng	
3	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	các huyện, thị xã, thành phố		2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321					79.210		79.210	Sở Tài nguyên - Môi trường	Vốn bỏ trị từ 10% số thu tiền sử dụng đất chỉ công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất	



STT	Đánh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định điều chỉnh đã được UBND tỉnh giao KH		Lấy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2016-2020 theo quyết định 716/QĐ-UBND			Bổ sung Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2016-2020			Chú đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện dự án	Tổng số	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện dự án		
4	Tiền sử dụng đất bỏ trí cho dự án Chính trang đô thị huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.	huyện Chư Sê	2019-2021	1057/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	50.000					15.000		15.000	UBND huyện Chư Sê	
5	Tiền sử dụng đất hỗ trợ CTMTQG xây dựng nông thôn mới (dự kiến bỏ trí trong năm kế hoạch 2019)	các huyện, thị xã, thành phố								114.020		114.020		

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÀ PHIE DUYỆT QUYẾT TOÀN DỰ ÁN HO AN THÀNH CÓN THIÊU VÓN
(Ban hành kèm theo Quy ết ịnh số 4/QĐ-UBND ng 24/11/2018 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu 0



TT	Địa ểm XD	Thời gian K-C-HT	Quy ết ịnh đầu tư		L ỹ k ế vón ả hủ t ừ ến hết k ế ho ảch năm 2018	Giá trị quy ết ịnh ược uyệt	L ỹ k ế giải ngân từ K-C ến hết k ế ho ảch năm 2018	Số vón còn thiêu sau khi quy ết toán dự ản ho ản thành	Chú đầu tư	Chú chú
			Số quy ết ịnh ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
A	VÓN NGÂN SÁCH ỊA PHƯƠNG			532.276,201	334.263,497	341.245,930	334.188,627	7.057,246		
1	Vón ản ối ngân sách tỉnh đầu tư			375.911,117	183.934,725	188.339,720	183.934,429	4.405,291		
1	Trụ sở BQL rừng phòng hộ Đông Bắc Chư Păh	2016	151/QĐ-SKHDT 31/10/2015	2.200,000	2.100,000	2.145,065	2.100,000	45,065	Ban quản lý rừng phòng hộ Đông bắc Chư Păh	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 72/QĐ-STC ng 13/10/2017
2	Đường trung tâm xã Yang Bắc đi 5 l ảng phía Tây Nam	2016	143/QĐ-SKHDT 30/10/2015	8.475,280	8.000,000	8.024,720	8.000,000	24,720	UBND huyện Ắk Pơ	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 99/QĐ-STC ng 17/11/2017
3	Trường THCS Lê Quý Ớn, xã Yang Trung (tách trường)	2016-2017	1232/QĐ-UBND ng 29/12/2015	14.992	13.493,000	13.664,526	13.493,000	171,526	UBND huyện Kông Chro	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 129/QĐ-UBND ng 07/02/2018
4	Trường THCS Trần Hưng Đạo, phường Sông Đơ	2016	1170/QĐ-UBND ng 29/10/2015	6.900,000	6.600,000	6.816,230	6.600,000	216,230	UBND thị xã Ayun Pa	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 02/QĐ-UBND ng 08/01/2018
5	Trường THCS Hoàng Văn Thụ huyện Ia Grai	2016-2018	1251/QĐ-UBND ng 29/12/2015	16.794,000	15.115,000	15.371,559	15.115,000	256,559	UBND huyện Ia Grai	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 424/QĐ-UBND ng 10/4/2018
6	Đường giao thông đi xã Kon Pơ	2016-2017	133/QĐ-UBND ng 29/01/2016	21.000,000	18.900,000	20.204,795	18.899,704	1.305,091	UBND huyện K Bang	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 726/QĐ-UBND ng 25/7/2018
7	Đường từ trung tâm xã Ya Hối đi thị xã An Khê	2016	132/QĐ-UBND ng 29/01/2016	12.158,885	10.943,000	11.650,140	10.943,000	707,140	UBND huyện Ắk Pơ	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 728/QĐ-UBND ng 25/7/2018
8	Đường trải l ảng Bút An Thành	2017	199/QĐ-UBND ng 31/3/2016	2.000,000	1.800,000	1.872,190	1.800,000	72,190	UBND huyện Ắk Pơ	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 1119/QĐ-UBND ng 20/8/2018
9	Nhà l ản việc các phòng ban và trung tâm l ản trữ huyện Ắk Pơ	2017	197/QĐ-UBND ng 31/3/2016	7.000,000	6.300,000	6.352,268	6.300,000	52,268	UBND huyện Ắk Pơ	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 1120/QĐ-UBND ng 20/8/2018
10	Trụ sở UBND xã Ia Phôn	2016	3416a/QĐ-UBND ng 30/10/2015	4.533,350	4.300,000	4.363,398	4.300,000	63,398	UBND huyện Ắk Pơ	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 2269/QĐ-UBND ng 20/10/201
11	Đường vào xã Ắk Jơ Ta	2016-2018	947/QĐ-UBND ng 28/01/2015	40.000,000	36.000,000	36.856,835	36.000,000	856,835	UBND huyện Mang Yang	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 1110/QĐ-UBND ng 06/11/201
12	Trụ sở Huyện ủy Ắk Cơ	2017	139/QĐ-SKHDT ng 28/10/2016	10.000,000	9.000,000	9.463,886	9.000,000	463,886	UBND huyện Ắk Cơ	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 117/QĐ-STC ng 09/11/2018
13	Vón NSDP ối ứng dự ản phát triển l ản nghiệp ế cải thiện ối sông vùng Tây Nguyên	2007-2016	593/QĐ-BNN-HTQT ng 29/02/2016	226.087,602	48.383,725	48.518,447	48.383,725	134,722	Sở NN và PTNT	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 809/QĐ-UBND ng 07/8/2018
14	Bố trí ản ịnh dân cư từ xã Chư Krey	2018	314/QĐ-UBND ng 30/10/2017	3.770,000	3.000,000	3.035,661	3.000,000	35,661	UBND huyện Kông Chro	Dự ản ả phê uyệt quy ết toán dự ản ho ản thành t uyệt ịnh số 457/QĐ-UBND ng 21/9/2018



	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2018	Giá trị quyết toán được duyệt	Lấy kế giải ngân từ KC đến hết kế hoạch năm 2018	Số vốn còn thiếu sau khi quyết toán dự án hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						
Vốn số kiến thiết				156.365,084	150.328,772	152.906,210	150.254,198	2.651,955		
Trường THCS Quang Trung và Trường THCS Lê Quý Đôn	Kbang	2016	162/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2015	8.000,000	7.500,000	7.732,374	7.499,994	232,380	UBND huyện Kbang	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 60/QĐ-STC ngày 29/8/2016
Trường THPT - THCS Nguyễn Bá Ngọc, xã Chư A Thai huyện Phú Thiện	Phú Thiện	2016	163/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2015	7.000,000	6.500,000	6.524,055	6.465,955	58,100	UBND huyện Phú Thiện	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 56/QĐ-STC ngày 19/4/2018
Trường THCS Kim Đồng xã Ia O, huyện Chư Prông	Chư Prông	2016	163/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2015	7.994,000	7.500,000	7.479,919	7.467,073	12,846	UBND huyện Chư Prông	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 80/QĐ-STC ngày 19/10/2017
Trường THCS Phan Bội Châu, xã Ia Yok, huyện Ia Grai	Ia Grai	2017	791/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	5.000	4.500,000	4.789,861	4.497,604	292,200	UBND huyện Ia Grai	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 21/3/2018
Trường trung học cơ sở Ngô Quyền, xã Ia Rmok, huyện Krông Pa	Krông Pa	2017	1037/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	8.000	7.200,000	7.960,620	7.200,000	760,620	UBND huyện Krông Pa	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 25/5/2018
Trường THCS xã Ayun, huyện Mang Yang	Mang Yang	2016-2017	963/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	14.431,084	12.988,000	13.046,802	12.982,800	64,002	UBND huyện Mang Yang	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 25/7/2018
Trường THCS Nguyễn Huệ, phường Đoàn Kết Đức Cơ	Ayun Pa	2016	1171/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	6.999,000	6.500,000	6.794,720	6.500,000	294,720	UBND thị xã Ayun Pa	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 01/QĐ-STC ngày 08/01/2018
Trường THCS Phan Bội Châu, xã Ia Nan, huyện Đức Cơ	Đức Cơ	2017	3416a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	4.000,000	3.600,000	3.636,860	3.600,000	36,860	UBND huyện Đức Cơ	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 17/4/2017
Dự án mua sắm thiết bị dạy và học ngoài ngữ các trường tiểu học, THCS công lập trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thị xã, thành phố	2014-2015	1602/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	94.941,000	94.040,772	94.940,999	94.040,772	900,227	Ban QL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 08/10/2018
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				83.809,077	74.390,000	74.710,617	74.174,863	535,754		
Dự án thiết bị bệnh viện huyện Mang Yang	Mang Yang	2015	125/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2014	6.748,000	6.700,000	6.544,731	6.484,863	59,868	Ban QL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 56/QĐ-STC ngày 02/8/2016
Đường Bạch Đằng thị trấn Phú Thúc huyện Krông Pa	Krông Pa	2014	144/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2013	7.479,490	6.780,000	6.785,710	6.780,000	5,710	UBND huyện Krông Pa	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 87/QĐ-STC ngày 04/11/2017
Đường vào xã Đê Ar, huyện Mang Yang	Mang Yang	2014-2015	1055/QĐ-UBND 31/10/2013	34.802,590	29.710,000	29.734,354	29.710,000	24,354	Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 16/01/2017
Năng cao năng lực quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Gia Lai	Pleiku	2014-2017	1064/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	34.778,997	31.200,000	31.645,822	31.200,000	445,822	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 08/10/2018